

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 17-5-2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Đứng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Ninh.
- Bà Trần Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 533/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh X, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An; vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Lưu Thị Kim T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh X trình bày trong hồ sơ vụ án:

Anh và chị T chung sống với nhau vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà của cha mẹ anh tại ấp V, xã P. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt và tự sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau, kinh tế của vợ chồng khó khăn, mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, anh mất lòng tin với chị T về chuyện tình cảm.

Khi ly thân, chị **T** dọn về sống bên nhà mẹ chị **T** tại **ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh**. Trong thời gian ly thân, anh và chị **T** không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nay anh yêu cầu được ly hôn chị **T**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên **Nguyễn Thanh S**, sinh ngày 25/10/2014 hiện do chị **T** đang nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, anh đồng ý để chị **T** tiếp tục nuôi dưỡng cháu **S**, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu **S** mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị **Lưu Thị Kim T** không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh **X**.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, anh **X** thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng chị **T** chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **Nguyễn Thanh X** đối với chị **Lưu Thị Kim T**.

Về con chung:

Giao chị **T** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Thanh S**, sinh ngày 25/10/2014.

Ghi nhận anh **X** đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu **S** mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Anh **X** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh **X** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn chị **T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh **X** và chị **T** chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An**. Do đó, hôn

nhân của anh, chị là hợp pháp. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt và tự sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Nay anh X yêu cầu ly hôn chị T. Riêng chị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng chị T vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh X, không đến Tòa án để tham gia tố tụng trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử vụ án với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Qua lời trình bày của anh X thể hiện trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của anh X và chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh X yêu cầu được ly hôn chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Xét thấy, cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 25/10/2014 đang theo sống với chị T và cháu S cũng có nguyện vọng theo sống với chị T. Vì vậy, giao chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 25/10/2014 là phù hợp. Ghi nhận anh X đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu S mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng là phù hợp với Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh X và chị T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Anh X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 91, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Thanh X đối với chị Lưu Thị Kim T.

Anh Nguyễn Thanh X được ly hôn chị Lưu Thị Kim T.

Về con chung:

Giao chị Lưu Thị Kim T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 25/10/2014.

Ghi nhận anh Nguyễn Thanh X đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 25/10/2014 mỗi tháng số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu S đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Anh Nguyễn Thanh X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013386 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; anh X còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Báo cho anh X, chị T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Phước Lý;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Dũng

